



Số: 0089(5)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Vi khí hậu, tiếng ồn
Ngày quan trắc : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K17 – K18/04/12.06.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Nhiệt độ ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	0 ÷ 60°C
2	Độ ẩm ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	15 ÷ 95 %RH
3	Tốc độ gió ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,1 ÷ 40 m/s
4	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Tiếng ồn	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
Đơn vị	-	dBA	°C	%	m/s
1. Khu vực làm việc (sảnh lễ tân)	14h35	56,2	26,5	61,7	0,55
2. Khu vực nhà bếp	14h45	61,4	30,8	61,3	0,42
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 65	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT	-	-	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(5)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K17 – K18/04/12.06.2024

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	SO ₂ ^(a)	TCVN 5971: 1995	10,0 µg/m ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Vị trí lấy mẫu	SO ₂
Đơn vị	mg/m ³
1. Khu vực làm việc (sảnh lễ tân)	KPH
2. Khu vực nhà bếp	KPH
QCVN 03:2019/BYT ^(**)	5

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(**): Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (8 giờ/ ngày)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(5)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại đầu vào hệ thống xử lý nước sinh hoạt
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT12/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,6°C)	-	7,21	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	47,7	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	82,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	32,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
5	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	1,10	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
6	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
7	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	1,0	12	TCVN 5988:1995
8	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,17	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,27	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	3.500	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(5)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại cửa xả nước thải
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT13/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,8°C)	-	7,13	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	37,6	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	58,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	38,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
5	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,8	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
6	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
7	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	1,0	12	TCVN 5988:1995
8	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,14	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,00	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	3.600	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(5)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại điểm cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải trước khi thải vào nguồn
tiếp nhận
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT14/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,0°C)	-	7,13	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	35,0	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	78,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	48,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,29	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,21	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	1,60	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.900	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	1,25	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận, (*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Cophet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(5)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước mặt cách vị trí xả thải 50 m
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NM1/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT		Phương pháp phân tích
					Bảng 1	Bảng 2 Mức D	
1	pH ^{(a)(*)} (30,0°C)	-	6,99	2 ÷ 12	-	< 6,0 hoặc > 8,5	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	28,7	1,0	-	> 10	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	36,0	3,0	-	> 20	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	28,0	4,0	-	> 100	TCVN 6625:2000
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻) ^(Δ)	mg/L	56,8	1,1	-	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023
6	Tổng dầu, mỡ ^(a)	mg/L	KPH	0,30	5,0	-	SMEWW 5520.B:2017
7	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	0,07	0,3	-	SMEWW 4500 - NH ₃ .B&F:2017
8	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	0,12	0,03	-	-	TCVN 6180:1996
9	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	KPH	0,03	-	-	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	0,1	-	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.400	2	-	> 7.500	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(*) : Các chỉ tiêu đo hiện trường

(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**


Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Dương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(7)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước uống máy lọc nước tại văn phòng
Ngày nhận mẫu : 12/06/2024
Mã số mẫu : 2406009
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH ^(b) (25,0°C)	-	6,94	2 – 12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 – 1000	2	SMEWW 2130B:2023
3	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 – 500	15	TCVN 6185:2015
4	Mùi vị	-	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2023 SMEWW 2160.B:2023
5	TDS ^(b)	mg/L	38,0	12,0	1000	SMEWW 2540-SolidsC:2023
6	N-NH ₄ ⁺ ^(b)	mg/L	KPH	0,2	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023
7	Độ cứng tổng số ^(b) (tính theo CaCO ₃)	mg/L	38,0	3,0	300	SMEWW 2340C:2023
8	E. coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
9	Nhôm (Al) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3113B:2017
10	Arsen (As) ^(Δ)	mg/L	KPH	63×10 ⁻⁵	0,01	TCVN 6626:2000 (ISO 11969:1996)
11	Florua (F ⁻) ^(Δ)	mg/L	0,13	0,006	1,5	SMEWW 4110B:2017
12	Sunfua (H ₂ S) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,006	0,05	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ C&D:2017
13	Chì (Pb) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0028	0,01	TCVN 6193B:1996 (ISO 8288:1986)
14	Thủy ngân (Hg) ^(Δ)	mg/L	KPH	18×10 ⁻⁵	0,001	TCVN 7877:2008 (ISO 5666:1999)
15	Natri (Na) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,003	200	SMEWW 3111B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vilas 444)

⁽ⁱ⁾: Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(7)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước uống đóng bình tại văn phòng công ty
Ngày nhận mẫu : 12/06/2024
Mã số mẫu : 2406011
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 06-1:2010/BYT	Phương pháp phân tích
1	Coliform ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần hai Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ	TCVN 6187-1:2019
2	Liên cầu phân ^(a)	CFU/250mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1		TCVN 6189-2:2009 ISO 7899-2:2000
3	Pseudomonas aeruginosa ^(a)	CFU/250mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1		TCVN 8881:2011 ISO 16266:2010
4	Bào tử vi khuẩn kỵ khí sinh khử Sunphit (Clostridia) ^(a)	CFU/250mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1		TCVN 6191-2:1996 ISO 6461/2:1986(E)
5	E.Coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(a): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vilas 444)

⁽ⁱ⁾: Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0089(9)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Ánh sáng
Ngày quan trắc : 12/06/2024
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp xác định
1	Ánh sáng ^(*)	TCVN 5176:1990

KẾT QUẢ ĐO ÁNH SÁNG

Điểm đo	Ánh sáng
Đơn vị	Lux
1. Khu vực làm việc (sảnh lễ tân)	402
2. Khu vực nhà bếp	552
QCVN 22:2016/BYT	≥ 300

Ghi chú:

(^{*}): Các chỉ tiêu đo hiện trường

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.